

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

**Kết quả nâng cao Năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch
(thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ)**

Kính gửi: Tổng cục Du lịch, thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; căn cứ Công văn số 457/TCDL-KHTC ngày 27/4/2020 của Tổng cục Du lịch về việc báo cáo về kết quả nâng cao Năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch (thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ), Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 10/6/2019 triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 01/01/2019 của Chính phủ, về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; đồng thời, chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ đã đề ra; công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, đơn giản hóa và rút ngắn quy trình xử lý, thời gian thực hiện thủ tục hành chính, nhất là cải cách trên các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài nguyên và môi trường, xây dựng, thuế, hải quan..., gắn với thực hiện thủ tục theo quy trình tiêu chuẩn ISO; công khai các thông tin, quy định, đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh, thành lập mới doanh nghiệp nhằm tạo dựng môi trường kinh doanh của tỉnh thêm thông thoáng, minh bạch, thân thiện và thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh, tạo động lực mạnh mẽ trong thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh.

Về nâng cao Năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch, UBND tỉnh đã giao cho Sở Du lịch là đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh du lịch của WEF (Diễn đàn kinh tế thế giới). Theo đó, tỉnh Kiên Giang dựa trên khung chỉ số năng lực cạnh tranh du lịch (Travel&Tourism Competitiveness Index - TTCI),



bao gồm: (1) Cải thiện môi trường kinh doanh - Enabling Environment; (2) Cải thiện chính sách và điều kiện kinh doanh du lịch - T&T Policy and Enabling Conditions; (3) Cơ sở hạ tầng - Infrastructure; và (4) Tài nguyên Thiên nhiên và Văn hóa - Natural and Cultural Resources để đánh giá kết quả nâng cao Năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch của tỉnh.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả chung

- Năng lực cạnh tranh du lịch của tỉnh không ngừng được đẩy mạnh cùng với sự phát triển chung của ngành du lịch cả nước, lượng khách quốc tế đến tỉnh Kiên Giang xu hướng phát triển ngày càng gia tăng.

- Ngành du lịch tỉnh đang là cầu nối hiệu quả kết nối các tổ chức, cá nhân, liên kết giữa tỉnh Kiên Giang với các vùng du lịch trọng điểm của cả nước nhằm chia sẻ tăng trưởng khách du lịch.

- Đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tỉnh Kiên Giang đã phê duyệt Dự án “Hệ thống website tích hợp video thực tế ảo quảng bá hình ảnh du lịch, hệ thống mua vé trực tuyến, ứng dụng di động (mobile app) và các hoạt động quảng bá hình ảnh du lịch” tại Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Mặc dù việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của môi trường thiên nhiên trong phát triển du lịch được nâng lên, song ngành du lịch tỉnh tiếp tục gặp khó khăn như dịch bệnh, thiên tai (hạn mặn, lũ lụt, sạt lở...) để đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

2. Kết quả cụ thể

a) *Nền tảng về “Cải thiện môi trường kinh doanh”*, gồm năm trụ cột:

♦ Trụ cột 1. *Môi trường kinh doanh*

- Thời gian cần thiết để xin cấp phép xây dựng: Cấp phép xây dựng quy định 03 ngày, thực tế phần đầu rút ngắn còn 1,5 ngày.

- Chi phí để được cấp phép xây dựng: Thực hiện theo quy định về phí, lệ phí; tùy thuộc vào từng loại phép xây dựng. Không phát sinh chi phí phi chính thức.

- Số ngày cần thiết để thành lập một doanh nghiệp: Căn cứ vào khoản 2, Điều 27 Luật Doanh nghiệp quy định “Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.” Nhưng thực tế chỉ còn 1,5 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và 01 ngày làm việc đối với trường hợp cấp thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Chi phí cần thiết để thành lập một doanh nghiệp mới: Thực hiện Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế

độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp quy định:

+ Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần.

+ Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.

- Mức độ và tác động của hệ thống thuế tới động lực làm việc: Mức độ và tác động của hệ thống thuế đến các nhân tố tăng trưởng kinh tế góp phần tạo ra nhiều công ăn việc làm như khuyến khích đầu tư, tăng tích lũy, hạn chế các tác động tiêu cực của chu kỳ kinh doanh, giảm thất nghiệp, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sẽ tác động tới động lực làm việc.

- Mức độ và tác động của hệ thống thuế tới động lực đầu tư: Vốn đầu tư của Nhà nước luôn là nguồn vốn quan trọng, đóng vai trò chủ đạo, định hướng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Phần vốn này được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, nhưng chủ yếu từ ngân sách Nhà nước, trong đó đa phần là nguồn thu được huy động từ thuế.

♦ Trụ cột 2. An ninh an toàn

- Chi phí kinh doanh liên quan đến vấn đề bạo lực và phạm tội: Không xác định trong các khoản chi phí kinh doanh

- Mức độ tin cậy vào dịch vụ ngành công an: Tin cậy cao

- Chi phí kinh doanh liên quan đến khủng bố: Không xác định trong các khoản chi phí kinh doanh.

- Chỉ số tác động khủng bố: An toàn và có nguy cơ khủng bố rất thấp.

♦ Trụ cột 3. Sức khỏe và vệ sinh

- Mật độ bác sỹ (mật độ bác sỹ trên 1.000 người dân): 8,93% (cuối năm 2019)

- Giường bệnh (giường bệnh trên 10.000 người dân; bao gồm số giường tại các bệnh viện công, tư nhân và chuyên khoa cũng như trung tâm phục hồi chức năng):

+ Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân (*không tính giường của trạm y tế xã*): 30,05% (cuối năm 2019)

+ Số giường bệnh quốc lập/vạn dân: 4.780 (cuối năm 2019)

+ Số giường bệnh tư/vạn dân: 400 (cuối năm 2019)

- Tỷ lệ nhiễm HIV (tỷ lệ nhiễm HIV theo tỷ lệ phần trăm của người trưởng thành trong độ tuổi 15-49): 0,017% (cuối năm 2019)

+ Số người được kiểm tra: 4.824 (cuối năm 2019)

+ Số ca có HIV (+): 293 (cuối năm 2019)

+ Tỷ lệ HIV (+) trên tổng số người được kiểm tra: 6,07% (cuối năm 2019)

- Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét (Chỉ số này đề cập đến số ca mắc sốt rét mới trên 100.000 người dân): 0,0005% (cuối năm 2019)

+ Dân số được bảo vệ bằng hóa chất: 22.000 người (cuối năm 2019)

+ Số lượt bệnh nhân khám và điều trị: 10 người (cuối năm 2019)

♦ *Trụ cột 4. Nguồn nhân lực và thị trường lao động*

- Tỷ lệ học sinh đi học chung, cấp tiểu học: 99,97%

- Tỷ lệ học sinh đi học chung, cấp trung học cơ sở: 81,67%

- Tỷ lệ học sinh đi học chung, cấp trung học phổ thông: 41,67%

- Tuyển dụng và sa thải người lao động: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có khoảng 8.550 doanh nghiệp với tổng số lao động khoảng 104.500 người; có 3.707 người chấm dứt hợp đồng lao động.

- Mức độ thuận lợi trong tìm kiếm lao động có trình độ: Hằng năm tỉnh tổ chức nhiều Ngày hội việc làm tạo điều kiện để doanh nghiệp và người lao động có nhu cầu gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu để ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên để tìm kiếm lao động có trình độ cũng gặp những khó khăn nhất định.

- Mức lương bình quân: 5,5 triệu đồng/người/tháng

- Tỷ lệ nữ giới tham gia lực lượng lao động: 71,2% (cuối năm 2019)

♦ *Trụ cột 5. Ứng dụng công nghệ thông tin*

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch giữa các doanh nghiệp: 100%

- Ứng dụng Internet trong các giao dịch giữa doanh nghiệp và khách hàng: 60,35% dân số tỉnh

- Mức độ sử dụng Internet của cá nhân: 70,84% dân số tỉnh

- Tổng số thuê bao Internet băng rộng cố định: 180.820 thuê bao (10,49 thuê bao/100 dân).

- Tổng số thuê bao Internet băng rộng di động: 1.039.874 thuê bao (60,35 thuê bao/100 dân).

- Tổng số thuê bao điện thoại di động: 2.123.113 thuê bao (123,22 thuê bao/100 dân).

- Mức độ phủ sóng mạng di động (tỷ lệ tín hiệu di động phủ sóng trong dân cư): Sóng di động phủ kín 100% dân cư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Nền tảng “Cải thiện chính sách và điều kiện kinh doanh du lịch”, gồm bốn trụ cột:

♦ *Trụ cột 6. Ưu tiên trong lĩnh vực du lịch*

- Ưu tiên của tỉnh đối với lĩnh vực du lịch: Tỉnh Kiên Giang xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn.

- Mức độ hiệu quả của hoạt động marketing để thu hút khách du lịch: Khá.
- Mức độ đầy đủ của dữ liệu du lịch hàng năm: Đầy đủ.
- Cung cấp kịp thời dữ liệu hàng tháng/quý: Kịp thời.

♦ *Trụ cột 7. Mức độ mở cửa đối với quốc tế*

Yêu cầu về thị thực; mở cửa về Hiệp định song phương trong dịch vụ hàng không; số lượng hiệp định thương mại khu vực có hiệu lực: Tổng cục Du lịch đánh giá trong phạm vi quốc gia.

♦ *Trụ cột 8. Cạnh tranh về giá*

Thuế và lệ phí sân bay; chỉ số giá khách sạn; sức mua tương đương; mức giá nhiên liệu: Tổng cục Du lịch đánh giá trong phạm vi quốc gia.

♦ *Trụ cột 9. Môi trường bền vững*

- Mức độ nghiêm ngặt của các quy định về môi trường: Nghiêm ngặt.
- Thực thi các quy định về môi trường: Chấp hành tương đối tốt.
- Phát triển du lịch bền vững: Đảm bảo phát triển trên 03 trụ cột: Kinh tế xã hội và môi trường.

- Mức độ cung ứng nước cơ bản: Đảm bảo mức cơ bản.

- Thay đổi mức độ che phủ của rừng: Giữ vững mức độ che phủ rừng.

- Xử lý nước thải: Các dự án đầu tư lĩnh vực du lịch thực hiện tốt theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

c) Nền tảng “Cơ sở hạ tầng” gồm ba trụ cột sau:

♦ *Trụ cột 10. Hạ tầng vận tải hàng không*

Đề nghị Tổng cục Du lịch đánh giá trong phạm vi quốc gia.

♦ *Trụ cột 11. Hạ tầng cảng biển và đường bộ*

- Chất lượng đường bộ: Khá.

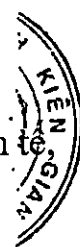
- Mật độ đường bộ (Số ki-lô-mét đường bộ trên diện tích 100 ki-lô-mét vuông mặt đất): Chưa có số liệu chính thức.

- Mật độ đường nhựa (Số ki-lô-mét đường trải nhựa trên diện tích 100 ki-lô-mét vuông): Chưa có số liệu chính thức.

- Chất lượng hạ tầng cảng biển: Trung bình khá.

♦ *Trụ cột 12. Hạ tầng dịch vụ du lịch*

- Số buồng khách sạn: 23.389.



- Chất lượng hạ tầng du lịch: Khá.

d) Nền tảng “Tài nguyên thiên nhiên và văn hóa”, gồm hai trụ cột:

♦ *Trụ cột 13. Tài nguyên thiên nhiên*

- Số lượng di sản thiên nhiên thế giới: 01 Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Kiên Giang.

Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Kiên Giang có độ đa dạng sinh học cao với hệ động, thực vật trên 2.340 loài. Trong đó, 1.480 loài thực vật với 116 loài quý hiếm được ghi trong sách Đỏ và 57 loài đặc hữu; khoảng 856 loài động vật với 78 loài quý hiếm, trong đó có 36 loài đặc hữu. Hiện nay, đã ghi nhận thêm 48 loài động vật và 17 loài thực vật, với một số loài đặc hữu quý hiếm như: thằn lằn ngón Phú Quốc, thằn lằn đá ngươi tròn đuôi trắng, thằn lằn chân ngón Hòn Tre, rắn lục Hòn Sơn, thu hải đường Bà Tài, lan bầu rượu Kiên Lương...

♦ *Trụ cột 14. Tài nguyên văn hóa và kinh doanh du lịch*

- Số lượng di sản văn hóa thế giới: Không

- Số lượng sân vận động thể thao quy mô lớn: 01

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận


- Tỉnh Kiên Giang đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 nghiêm túc và cơ bản đạt hiệu quả theo yêu cầu đề ra.

- Tỉnh Kiên Giang đã xác định tầm quan trọng của cơ sở hạ tầng đối với năng lực cạnh tranh du lịch của tỉnh. Trên cơ sở đề xuất của tỉnh, Chính phủ đã chấp thuận: Giao UBND tỉnh xây dựng phương án vốn đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính xem xét, thẩm định bố trí ngân sách Trung ương đầu tư: (i) Dự án Cảng hàng khách quốc tế Phú Quốc; (ii) Đầu tư thêm đường băng mở rộng nhà ga Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc; và (iii) Mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá. Đây là điều kiện thuận lợi để du lịch Kiên Giang nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng lượng khách quốc tế trong tương lai.

2. Kiến nghị

Về cách tính các chỉ tiêu thành phần của chỉ số Năng lực cạnh tranh du lịch được tính toán dựa trên dữ liệu thu thập từ bảng khảo sát ý kiến lãnh đạo doanh nghiệp và định lượng từ một số nguồn khác như: Báo cáo kỹ thuật, nghiên cứu khoa học... đòi hỏi phải có kỹ năng, nghiệp vụ. Do đó, đề nghị Tổng cục Du lịch nghiên cứu tổ chức các khóa tập huấn, hướng dẫn chi tiết cụ thể để địa phương tổ chức triển khai, báo cáo lần sau đảm bảo đạt yêu cầu theo hướng dẫn của WEF.



Trên đây là báo cáo kết quả nâng cao Năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực du lịch của tỉnh Kiên Giang./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, ltram.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thanh Bình

